TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **2057**/2022/QĐST-VHNGĐ	*Biên Hòa, ngày 23 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9,10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Các Điều 55, 57 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2920/2022/TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

+ Ông Ngô Hữu T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: B2/59C, Tân Liêm, ấp 2, Phong Phú, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

+ Bà Hoàng Thị Ánh T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: E489, khu phố 5A, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Hoàng Thị Ánh T1 quen biết và tìm hiểu lập gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể giải quyết, hay xảy ra cãi vả dẫn đến xung đột trong cuộc sống. Ông T, bà T1 đã sống ly thân từ tháng 05/2019 đến nay. Nay xét thấy

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T, bà T1 làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Anh K, sinh ngày 02/05/2015. Ly hôn, ông T, bà T1 thỏa thuận giao cháu K cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng.

[3] Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ông Ngô Hữu T và bà Hoàng Thị Ánh T1 phải chịu 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004673 ngày 02/11/2022. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Hữu T và bà Hoàng Thị Ánh T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Ngô Anh K, sinh ngày 02/05/2015. Ly hôn, các bên thỏa thuận giao cháu K cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí HNGĐ-ST: Ông Ngô Hữu T và bà Hoàng Thị Ánh T1 phải chịu 300.000đồng lệ phí hôn nhân gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004673 ngày 02/11/2022. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND xã Trung Hải, huyện Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Triều Châu